

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST

Ngày: 09 - 5 - 2019

V/v “*Tranh chấp không
công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hùng Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2019/TLVA-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, thành phố C.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện Đ, thành phố C.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Lê Thị Diễm M trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có làm lễ cưới theo phong tục cổ truyền vào tháng 10 năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Quá trình chung sống, chị M và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống, từ tháng 7/2012 đến nay các đương sự đã không còn chung sống với nhau. Do đó, chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T. Chị M và anh T có 01 con chung là Lê Phương T (nữ), sinh ngày 19/6/2012, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2019, anh Huỳnh Thanh T trình bày: Anh T thừa nhận có tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới với chị M, nhưng thời gian cụ thể thì không nhớ rõ, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do chị M không chịu làm dâu nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị M về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Do anh không có đăng ký kết hôn nên anh không làm thủ tục ly hôn, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T thừa nhận anh và chị M có 01 con chung là Lê Phương T (nữ), sinh ngày 19/6/2012, nhưng cháu T do chị M nuôi dưỡng và đăng ký khai sinh mang họ của chị M. Chị M có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thì anh T đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do; ngày 28/3/2019, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa:

Chị M và anh T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Hội đồng xét xử công bố các lời khai đã được ghi nhận của chị M và anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng quy định. Về việc có mặt của các đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc phải có mặt khi được Tòa án triệu tập.

Về nội dung: Chị Lê Thị Diễm M và anh Huỳnh Thanh T, tự nguyện tiến tới

hôn nhân, có tổ chức theo phong tục cổ truyền, nhưng các bên không có đăng lý kết hôn. Do đó khẳng định mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không được pháp luật công nhận. Nay, chị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T và giải quyết các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung giữa các đương sự; Về con chung, chị M và anh T thừa nhận quá trình chung sống có 01 con chung là Lê Phương T (nữ) sinh ngày 19/6/2012, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh T cũng có ý kiến giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, nên chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho chị M, chị M tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên công nhận; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp và có đơn yêu cầu thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Chị Lê Thị Diễm M và anh Huỳnh Thanh T, tự nguyện tiến tới hôn nhân, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay các đương sự phát sinh tranh chấp nên xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”, quan hệ tranh chấp này thuộc sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Do bị đơn là anh Huỳnh Thanh T có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Diễm M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Huỳnh Thanh T, mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị M và anh T, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn xác nhận thời gian hôn nhân ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, xác nhận chị Lê Thị Diễm M và anh Huỳnh Thanh T, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền, nhưng không có đăng ký kết hôn và có thời gian chung sống như vợ chồng từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 12 năm 2012, nên xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là không làm

phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. do đó, phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các chị M và anh T, Tòa án chỉ giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung giữa các đương sự. Nay chị M có đơn khởi kiện, anh T có ý kiến cho rằng anh không có đăng ký kết hôn nên không làm thủ tục ly hôn, chị M có yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì anh đồng ý. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T.

[3] Về vấn đề con chung: Chị M và anh T thống nhất trình bày là có 01 con chung là Lê Phương T (nữ), sinh ngày 19/6/2012, nhưng cháu T được đăng ký khai sinh theo họ mẹ và hiện đang sống cùng với chị M. Chị M có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh T cũng đồng ý giao cháu T cho chị M nuôi dưỡng, nên yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị M là có cơ sở chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung của chị M.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 174, Điều 228; Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 14; Điều 15; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Diễm M và anh Huỳnh Thanh T.

Về con chung: Chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Phương T (nữ) sinh ngày 19/6/2012, đến tuổi trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí: Chị M chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 001296 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Diễm M và anh Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA